

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Học phần Máy chế biến (460161)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA24CNTP

CBGD: Giang Kiên Quốc (00588)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 5 / 2026

Phòng thi: D31-105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116224001	Huỳnh Lâm Khả Ái	11/03/2006	Nữ	76	514	615	248	<u>Nguyen</u>		
2	116224002	Nguyễn Ngọc Phương Anh	28/08/2006	Nữ	914	64	79	245	<u>Phuong</u>		
3	116224003	Lê Thị Khánh Băng	28/08/2006	Nữ	82	78	810	246	<u>Le</u>		
4	116224007	Huỳnh Ngọc Châu	23/02/2006	Nữ	78	612	70	248	<u>huynh</u>		
5	116224008	Trần Thị Minh Châu	15/09/2006	Nữ	914	816	910	247	<u>Cham</u>		
6	116224009	Son Thị Mỹ Chi	22/02/2006	Nữ	70	816	78	246			
7	116224014	Lâm Thị Hương Giang	30/05/2006	Nữ	910	916	913	245	<u>Guang</u>		
8	116224016	Nguyễn Trần Gia Hân	03/06/2006	Nữ	814	74	79	248	<u>Nguyen</u>		
9	116224019	Đặng Diệu Hiền	10/09/2006	Nữ	88	614	76	247	<u>Hien</u>		
10	116224021	Tổng Thị Như Huỳnh	20/12/2006	Nữ	88	74	81	246	<u>Thuy</u>		
11	116224022	Nguyễn Đăng Khoa	12/02/2006	Nam	76	610	618	245	<u>Nguyen</u>		
12	116224024	Dương Thị Cẩm Ly	19/12/2006	Nữ	816	816	816	248	<u>Ly</u>		
13	116224031	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	24/04/2006	Nữ	82	76	79	247	<u>Nhi</u>		
14	116224034	Trần Minh Phương	20/07/2006	Nữ	810	70	75	246	<u>Phuong</u>		
15	116224035	Trần Nhật Quỳnh	19/08/2006	Nữ	912	614	78	245	<u>Tran</u>		
16	116224036	Lê Võ Tấn Tài	03/12/2006	Nam	72	516	614	248	<u>Tai</u>		
17	116224040	Nguyễn Minh Thư	17/11/2006	Nữ	74	812	78	247	<u>Minh</u>		
18	116224041	Lê Thị Mỹ Tiên	24/07/2006	Nữ	810	816	813	246	<u>Le</u>		
19	116224046	Nguyễn Thị Tường Vi	16/11/2006	Nữ	814	76	810	245	<u>Nguyen</u>		
20	116224047	Trần Triển Vọng	22/06/2006	Nam	78	618	73	248	<u>Tran</u>		
21	116224051	Huỳnh Tuấn An	07/02/2006	Nam	814	912	818	247	<u>An</u>		
22	116224052	Nguyễn Thị Ngọc Hân	06/10/2006	Nữ	814	810	812	248	<u>Han</u>		
23	116224053	Nguyễn Thị Tuyết Mai	17/12/2006	Nữ	72	610	616	246	<u>Mai</u>		
24	116224054	Phạm Thị Huỳnh Như	14/08/2006	Nữ	614	418	516	247	<u>Pham</u>		
25	116224056	Phạm Thị Ngọc Vy	29/11/2006	Nữ	77	610	619	245	<u>Vy</u>		1, 190, 000

Tổng số sv, hs trên danh sách: 25

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 25

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ: 25

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%, Điểm KT: 10%

Vĩnh Long, Ngày 17 tháng 7 năm 2016

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Hồng Nhung

Cán bộ kiểm tra: Phạm Thị Thanh Ngọc

Trường/Khoa: NN-TS
Đơn vị: T. CWSTH

ĐGMH_BM 2

Danh Sách Ghi Điểm Quá Trình

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Học phần: Máy chế biến (460161)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA24CNTP

Ngày in danh sách: Ngày 17 tháng 04 năm 2026

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Điểm			Điểm TBQT	Ký tên			Đổi tượng SV	Ghi chú
					Lần 1	Lần 2	Lần 3		Lần 1	Lần 2	Lần 3		
1	116224001	Huỳnh Lâm Khả Ái	11/03/2006	Nữ	5,5	9,7		7,6	<u>Khả</u>	<u>Khả</u>			
2	116224002	Nguyễn Ngọc Phương	28/08/2006	Nữ	10,0	8,6		9,4	<u>Ph</u>	<u>Ph</u>		9,4	
3	116224003	Lê Thị Khánh	28/08/2006	Nữ	7,5	8,3		8,2	<u>Ph</u>	<u>Ph</u>			
4	116224007	Huỳnh Ngọc Châu	23/02/2006	Nữ	6,0	9,6		7,8	<u>Chau</u>	<u>Chau</u>			
5	116224008	Trần Thị Minh	15/09/2006	Nữ	9,5	9,3		9,4	<u>Chau</u>	<u>Chau</u>			
6	116224009	Son Thị Mỹ	22/02/2006	Nữ	4,0	10,0		7,0	<u>Ck</u>	<u>Ck</u>			
7	116224014	Lâm Thị Hương	30/05/2006	Nữ	8,5	9,5		9,0	<u>Guang</u>	<u>Guang</u>			
8	116224016	Nguyễn Trần Gia	03/06/2006	Nữ	7,0	9,8		8,4	<u>Man</u>	<u>Man</u>			
9	116224019	Đặng Diệu	10/09/2006	Nữ	9,0	8,6		8,8	<u>Hien</u>	<u>Hien</u>			
10	116224021	Tổng Thị Như	20/12/2006	Nữ	9,0	8,6		8,8	<u>Huyen</u>	<u>Huyen</u>			
11	116224022	Nguyễn Đăng	12/02/2006	Nam	6,0	9,2		7,6	<u>TE</u>	<u>TE</u>			
12	116224024	Dương Thị Cẩm	19/12/2006	Nữ	8,5	8,7		8,6	<u>Ly</u>	<u>Ly</u>			
13	116224031	Nguyễn Thị Tuyết	24/04/2006	Nữ	8,0	8,4		8,2	<u>Ng</u>	<u>Ng</u>			
14	116224034	Trần Minh	20/07/2006	Nữ	7,0	9,0		8,0	<u>Ph</u>	<u>Ph</u>			
15	116224035	Trần Nhật	19/08/2006	Nữ	10,0	8,4		9,2	<u>Quynh</u>	<u>Quynh</u>			
16	116224036	Lê Võ Tấn	03/12/2006	Nam	5,0	9,4		7,2	<u>Tai</u>	<u>Tai</u>			
17	116224040	Nguyễn Minh	17/11/2006	Nữ	7,0	7,8		7,4	<u>MThu</u>	<u>MThu</u>			
18	116224041	Lê Thị Mỹ	24/07/2006	Nữ	7,5	8,5		8,0	<u>Ken</u>	<u>Ken</u>			
19	116224046	Nguyễn Thị Tường	16/11/2006	Nữ	7,5	9,3		8,4	<u>Vi</u>	<u>Vi</u>			
20	116224047	Trần Triền	22/06/2006	Nam	6,0	9,6		7,8	<u>Vong</u>	<u>Vong</u>			
21	116224051	Huỳnh Tuấn	07/02/2006	Nam	7,0	9,8		8,4	<u>An</u>	<u>An</u>			
22	116224052	Nguyễn Thị Ngọc	06/10/2006	Nữ	7,0	9,8		8,4	<u>Han</u>	<u>Han</u>		8,4	
23	116224053	Nguyễn Thị Tuyết	17/12/2006	Nữ	6,0	8,4		7,2	<u>Mai</u>	<u>Mai</u>			
24	116224054	Phạm Thị Huỳnh	14/08/2006	Nữ	3,0	9,8		6,4	<u>Nhu</u>	<u>Nhu</u>			
25	116224056	Phạm Thị Ngọc	29/11/2006	Nữ	6,5	8,8		7,7	<u>Vy</u>	<u>Vy</u>			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 25

Hình thức đánh giá quá trình lần 1: Kiểm tra

Hình thức đánh giá quá trình lần 2: thực hành

Hình thức đánh giá quá trình lần 3: _____

/ Tỉnh Long, Ngày 15 tháng 7 năm 2026

Cán bộ giảng dạy

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kh
Giảng Viên Bức